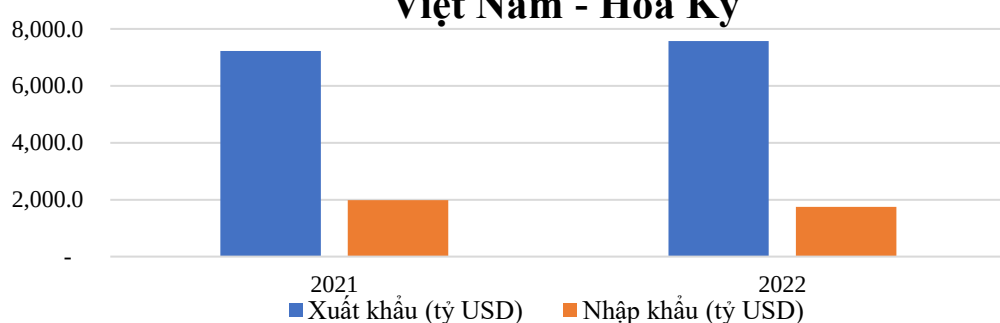


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



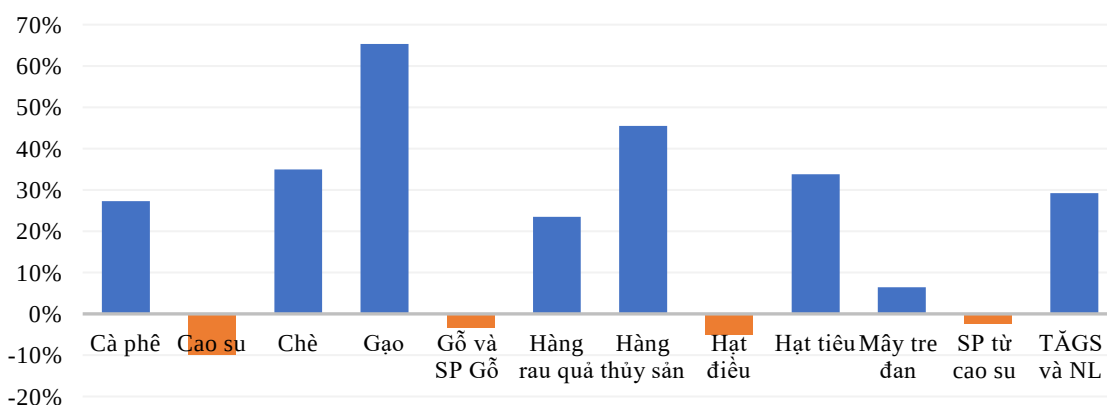
Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK
NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ
(6T – 2022/2021)

Xuất khẩu ▲ 0,8%
Nhập khẩu ▼ 7,4%

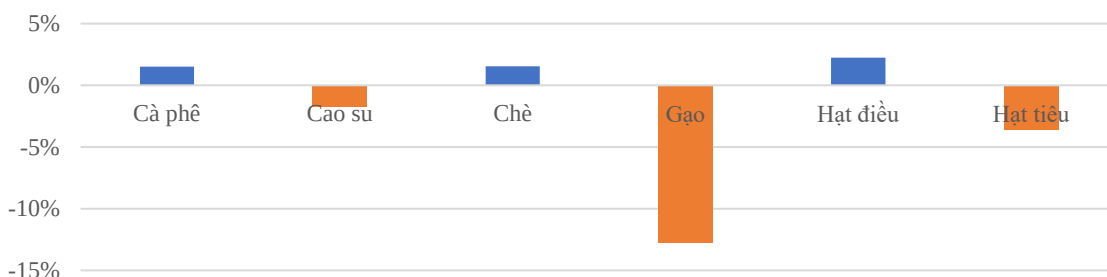
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 6T-2022 so với 6T-2021



So sánh 6T-2022/2021

Cà phê ▲ 27,3%
Cao su ▼ 9,8%
Chè ▲ 34,9%
Gạo ▲ 65,3%
Gỗ và SP Gỗ ▼ 3,4%
Rau quả ▲ 23,5%
Thủy sản ▲ 43,5%
Hạt điều ▼ 5,0%
Hạt tiêu ▲ 33,8%
Mây tre đan ▲ 6,4%
SP từ cao su ▼ 2,3%
TĂGS và NL ▲ 29,2%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T6/2022 so với T5/2022



So sánh giá xuất khẩu bình quân T6-2022/2021

Cà phê ▲ 1,5%
Cao su ▼ 1,8%
Chè ▲ 1,5%
Gạo ▼ 12,8%
Hạt điều ▲ 2,2%
Hạt tiêu ▼ 3,6%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 6 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất với kim ngạch xuất khẩu khoảng 7,61 tỷ USD, tăng 7,9% và chiếm 27,3% tổng giá trị xuất khẩu. Trong số các nhóm mặt hàng nông lâm thủy sản, Hoa Kỳ đang mua nhiều nhất hạt điều, thủy sản, gỗ, trái cây của Việt Nam. Trong đó, riêng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 66,8% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng nông sản sang Hoa Kỳ trong nửa đầu năm nay.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa kỳ trong tháng 6/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 66,8%), thủy sản (17,8%), hạt điều (5,9%). So với tháng 5/2021, tất cả các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng như: cà phê tăng 48,2%, gạo tăng 19,2%, chè tăng 7,1%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

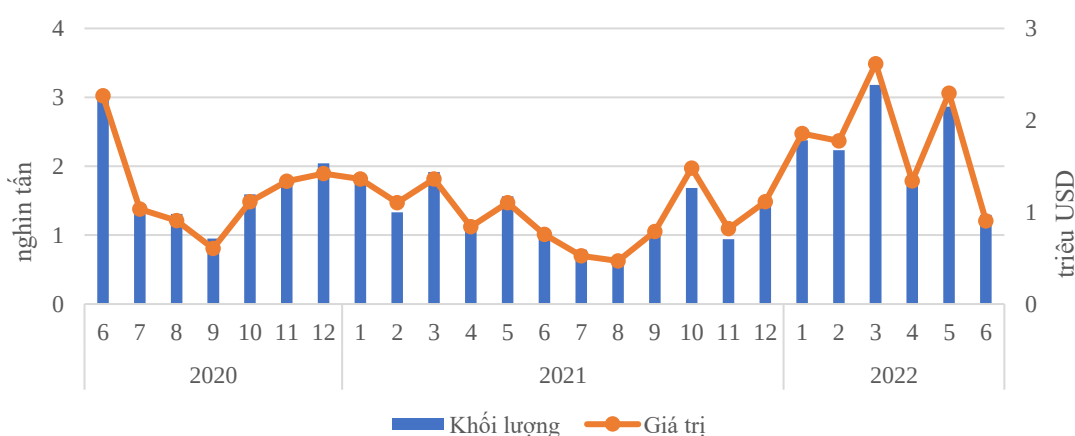
Dư địa xuất khẩu nông sản sang thị trường Hoa Kỳ rất lớn, tuy nhiên các chuyên gia nhận định doanh nghiệp cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và nắm rõ các tiêu chuẩn theo yêu cầu. Từ khi trái thanh long được chính thức xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ năm 2008, đến nay Việt Nam đã có 8 mặt hàng trái cây được phép xuất khẩu sang thị trường này với kim ngạch ngày càng tăng và dự kiến trái bưởi đã sắp sửa được cấp phép xuất khẩu sang thị trường này. Ngoài trái cây, kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Hoa Kỳ cũng đang tăng theo từng năm.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1,3 nghìn tấn gạo, trị giá 0,9 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, giảm 54,9% về khối lượng và 60,6% về giá trị so với tháng trước; nhưng tăng 25,7% về khối lượng và 19,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 13,8 nghìn tấn, trị giá 10,8 triệu USD, tăng 58,1% về khối lượng và 65,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

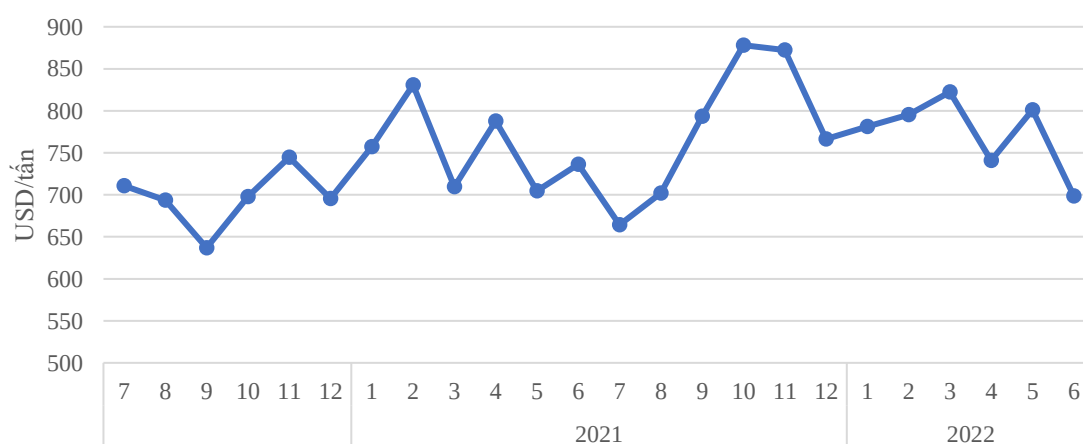
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2022 đạt 698,6 USD/tấn, giảm 12,8% so với tháng trước và 5,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

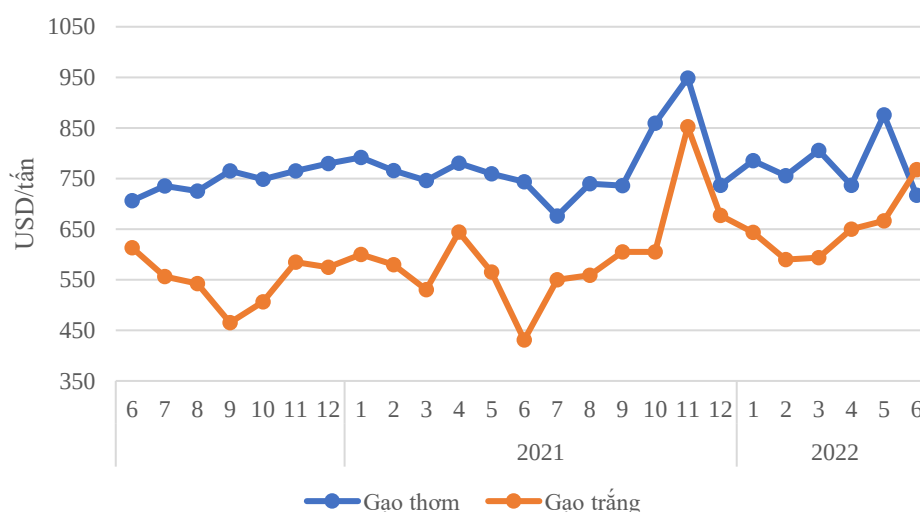


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,0 nghìn tấn, trị giá 0,7 triệu USD (chiếm 78,6% về khối lượng và 78,9% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 17,5% về khối lượng và 8,7% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 6/2022 đạt trung bình 717,1 USD/tấn, giảm 18,1% so với tháng trước và 3,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 767,5 USD/tấn, tăng 15,2% so với tháng trước và 78,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



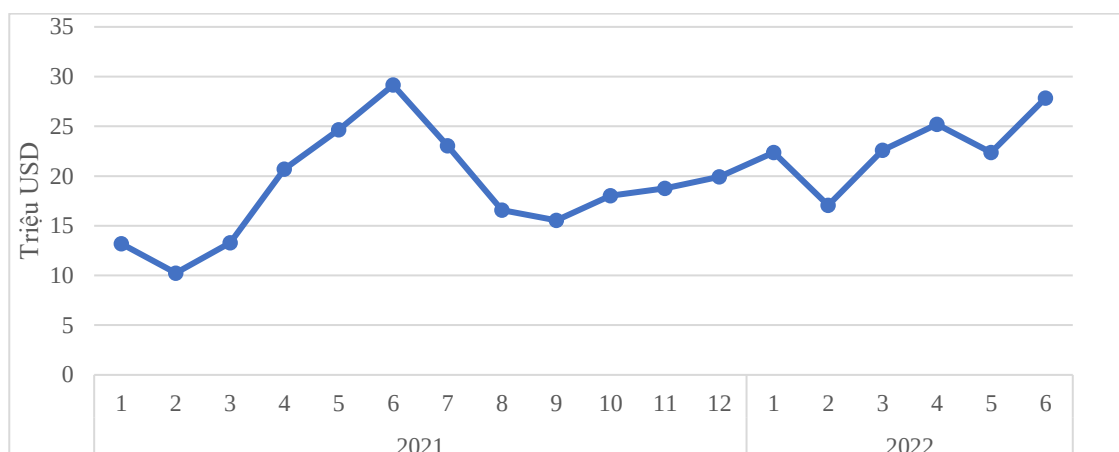
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6 năm 2022 đạt 27,8 triệu USD, chiếm 10,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 24,5% so với tháng trước và giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 6 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 136,8 triệu USD, chiếm 8,1% thị phần, tăng 23,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

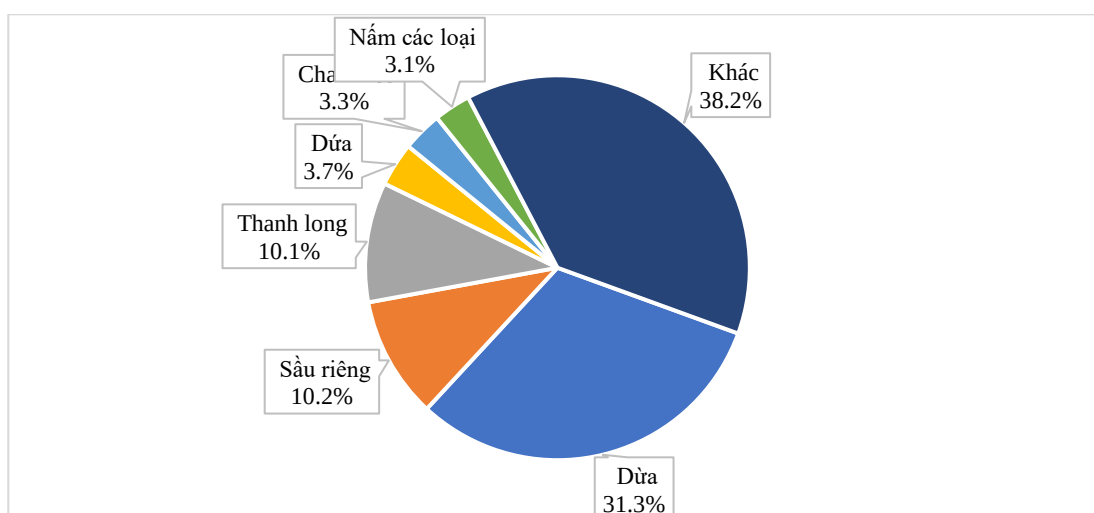


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 6 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 12,2 triệu USD (chiếm 43,9% thị phần, giảm 30,8% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 15,6 triệu USD (chiếm 56,1% thị phần), tăng 36,1%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 10,6 triệu USD, tăng 202,0% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,0 triệu USD (giảm 60,9%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,2 triệu USD (tăng 0,3%); v.v.

Trong tháng 6 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 8,6 triệu USD (chiếm 30,7% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 218,1% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt gần 2,8 triệu USD (chiếm 10,0%), giảm 5,3%; thanh long đạt 2,8 triệu USD (chiếm 9,9%), giảm 26,2%; dưa đạt 1,0 triệu USD (chiếm 3,6%), tăng 17,8%; chanh leo đạt 913,7 nghìn USD (chiếm 3,3%), tăng 59,0%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6 năm 2022



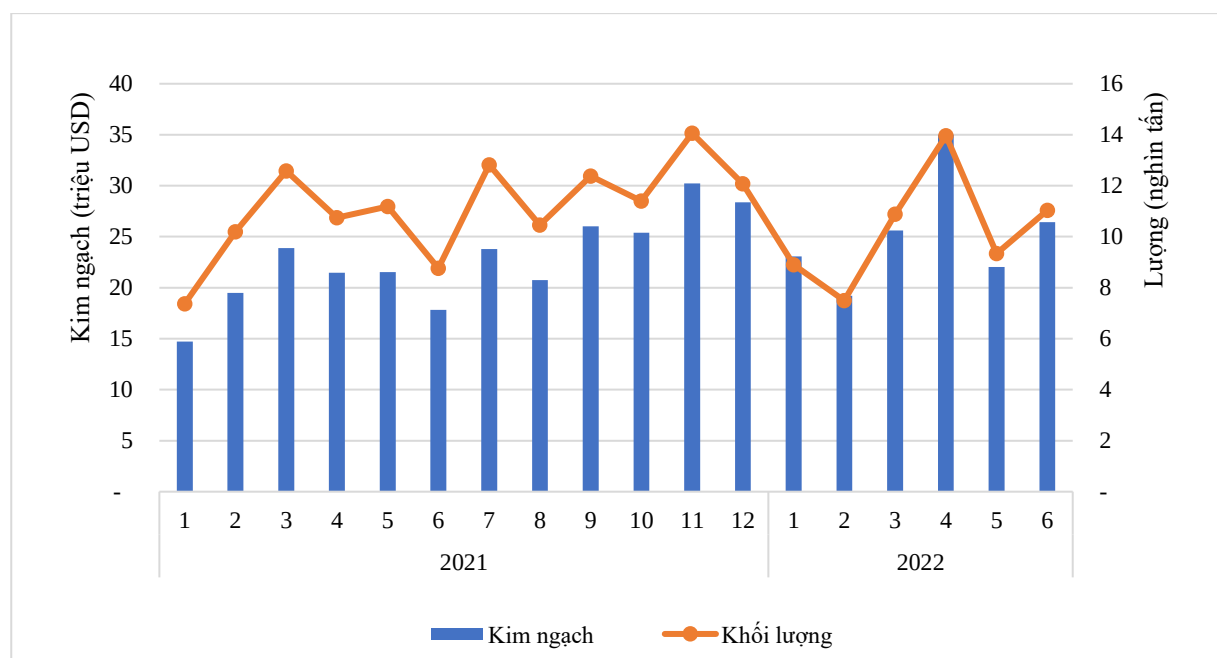
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 6 năm 2022 đạt 24,2 triệu USD, chiếm 14,9% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 144,6 triệu USD, chiếm 27,9% thị phần, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 6/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 9,3 triệu USD, chiếm 38,3% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 81,6% so với cùng kỳ năm 2021; hạnh nhân đạt 4,5 triệu USD (chiếm 18,5%), tăng 9,8%; anh đào đạt 3,2 triệu USD (chiếm 13,3%), giảm 58,7%; khoai tây đạt 2,8 triệu USD (chiếm 11,7%), tăng 132,1%; nho đạt 1,5 triệu USD (chiếm 6,2%), tăng 56,3%; v.v

3. CÀ PHÊ

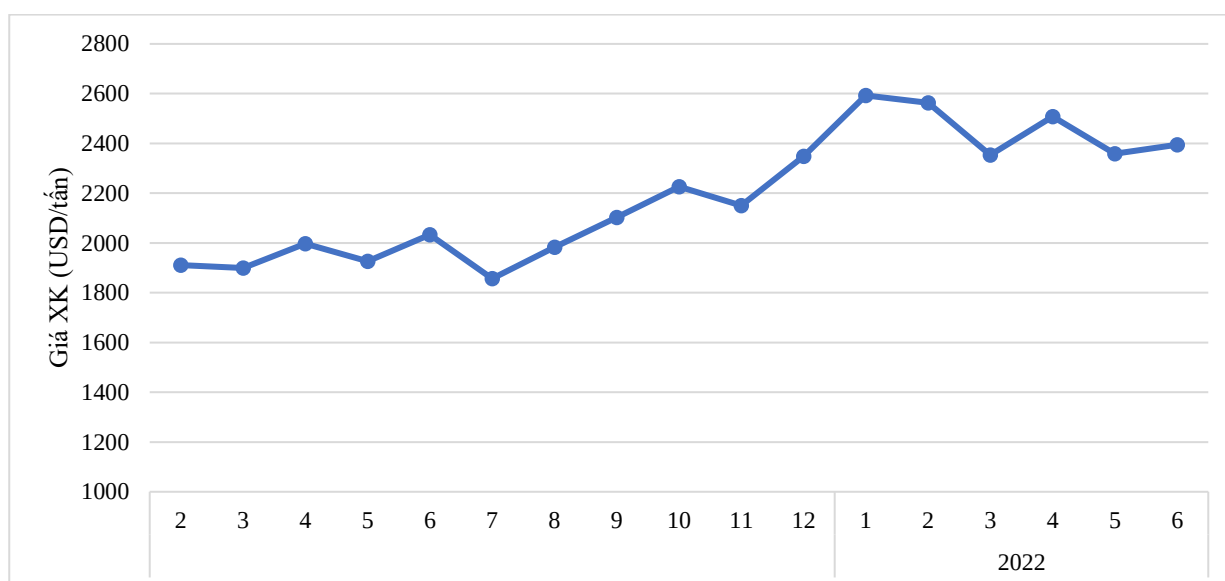
Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 06/2022 ước đạt 11,0 nghìn tấn với trị giá 26,4 triệu USD, tăng 18,1% về khối lượng và 19,9% về giá trị so với tháng trước, và tăng 25,8% về khối lượng và 48,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



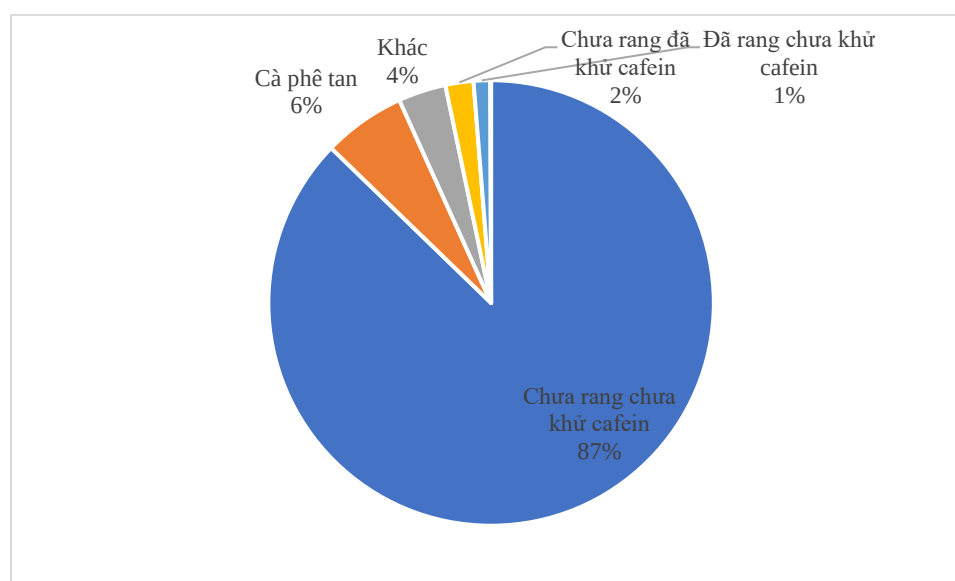
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 06/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.395 USD/tấn, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 23,0 triệu USD, chiếm 87,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,6 triệu USD, chiếm 6,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein và cà phê đã rang chưa khử cafein, chiếm lần lượt 2,0% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

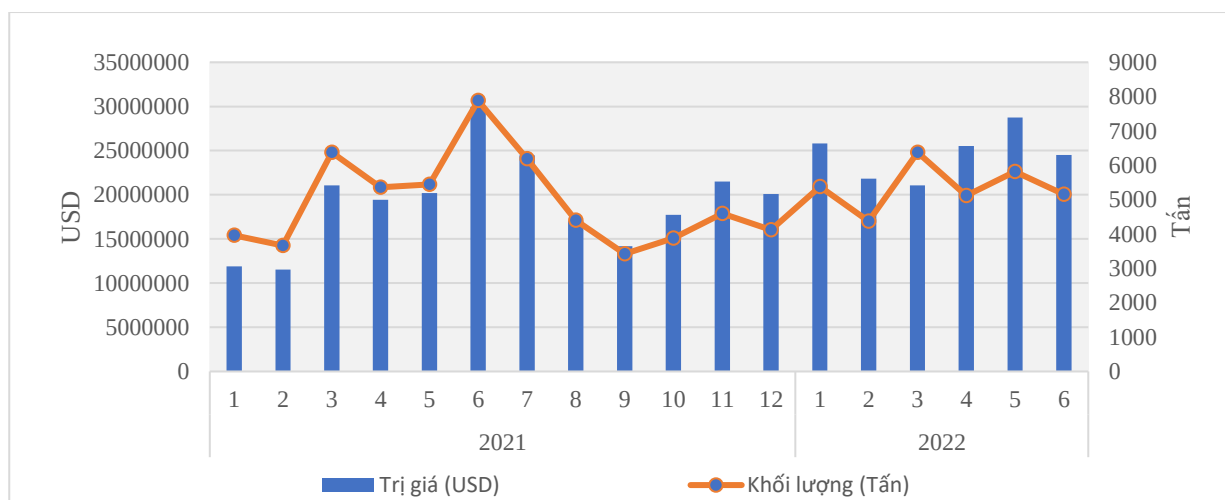
Hình 8. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 06/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 6/2022 đạt 5.153 tấn, tương ứng với 24,5 triệu USD, giảm 11,48% về khối lượng và 14,69% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 34,64% về khối lượng 18,14% về giá trị.

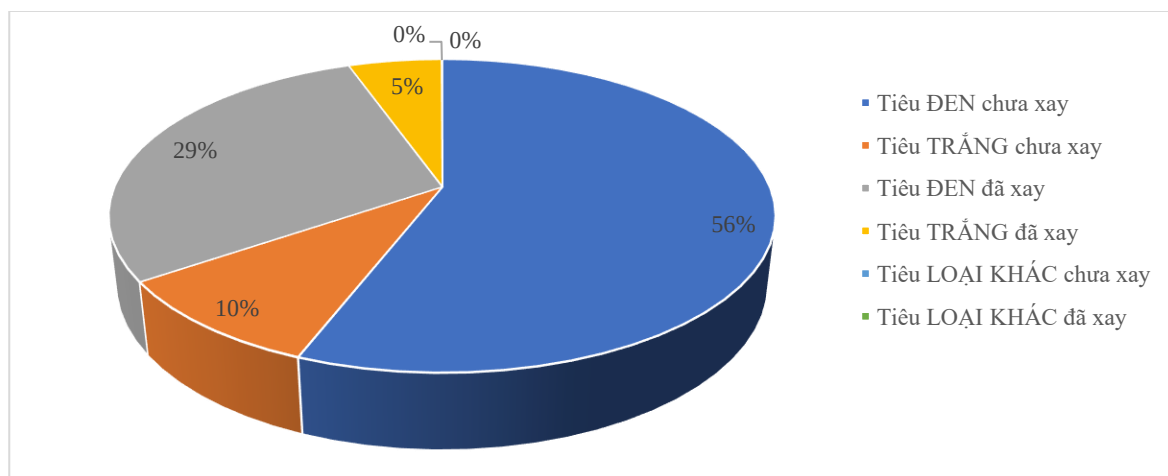
Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 56% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, giảm 22,7% so với tháng trước và 28,38% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 29%, tăng 7,67% so với năm trước và 138,47% so với tháng trước.

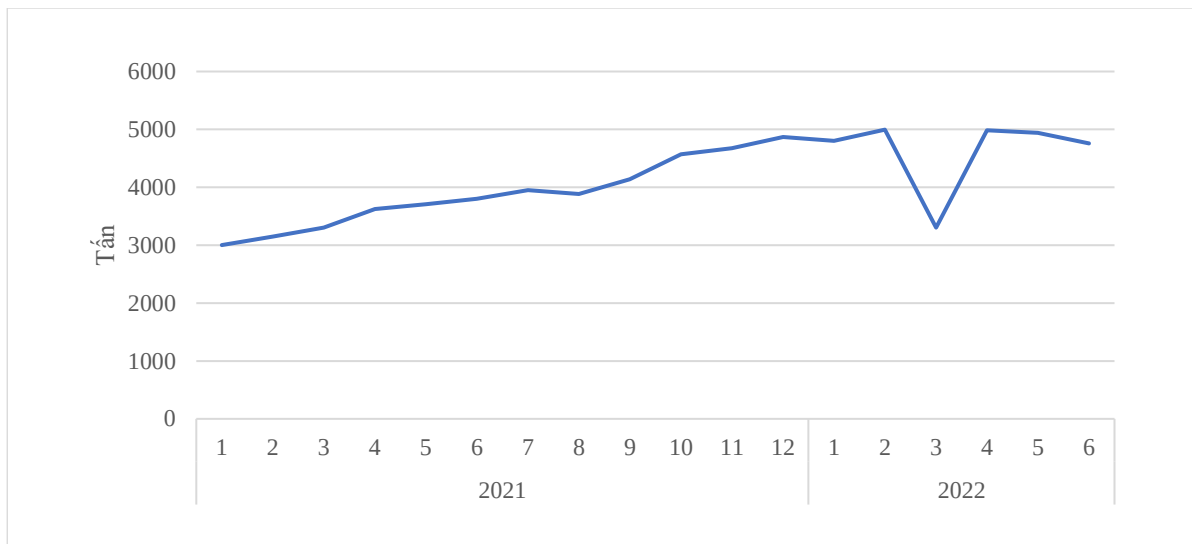
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 6/2022 đạt 4.760 USD/tấn, giảm 3,6% so với tháng trước nhưng tăng 25,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

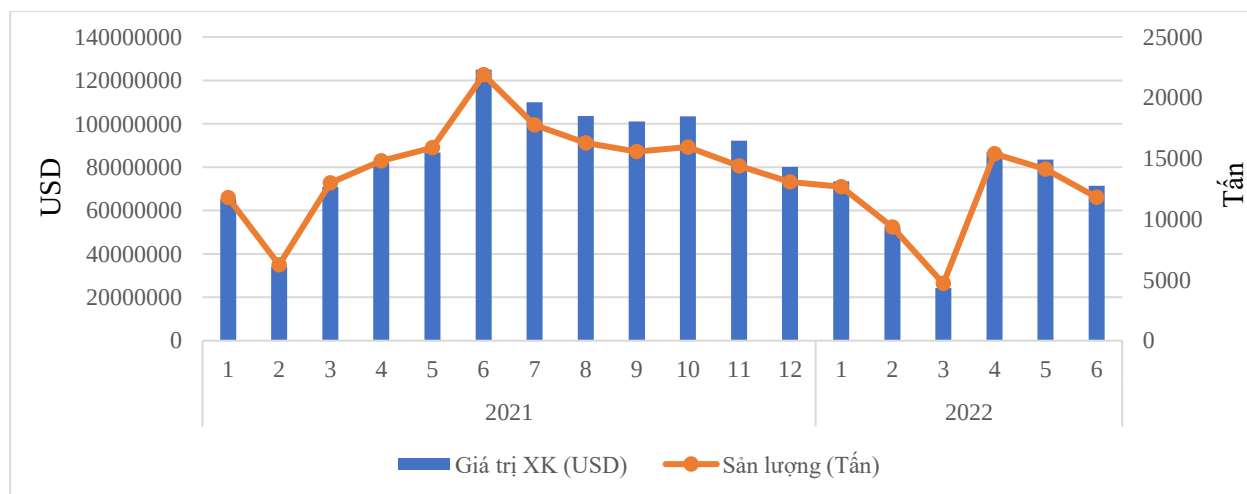


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 11,81 nghìn tấn, trị giá 71,4 triệu USD, giảm 16,3% về khối lượng và 14,4% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường này cũng giảm 46% về khối lượng và 42,9% về giá trị.

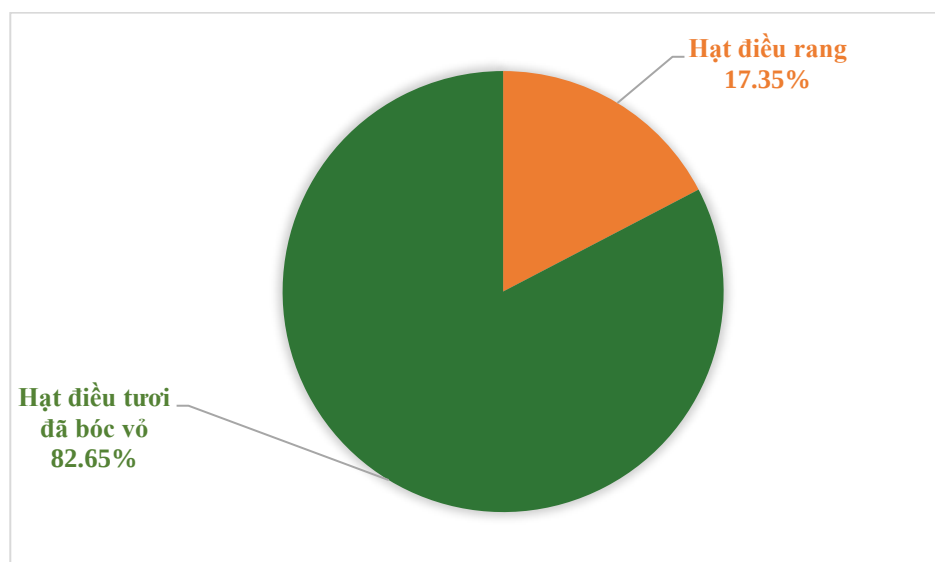
Hình 12. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 82,65%, đạt 59 triệu USD, giảm 46,5% so với tháng trước và 15,7% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 12,4 triệu USD chiếm 17,3%, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước và 11% so với tháng trước.

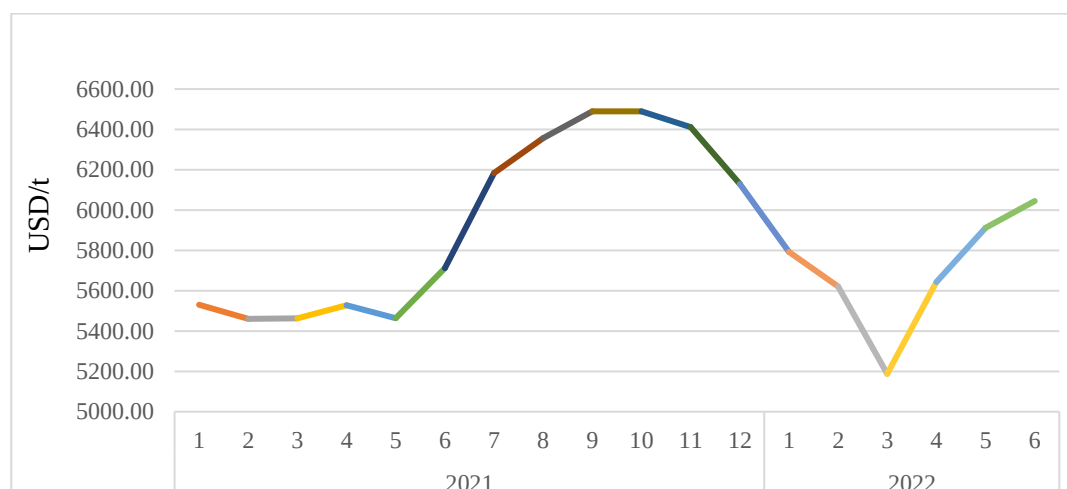
Hình 13. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ đã có sự phục hồi mạnh mẽ. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 6/2022 đạt 6.044 nghìn USD/tấn, tăng 2,2% so với tháng trước và 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,8 USD/kg, tăng 2,3% so với tháng trước và 12,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2022, doanh thu thủy sản tươi sống tại các cửa hàng tạp hóa ở Hoa Kỳ tiếp tục giảm do lạm phát cao, trong khi doanh thu thủy sản đóng hộp và đóng túi có xu hướng tăng. Theo dữ liệu từ IRI và 210 Analytics, tháng 6/2022 giá thủy sản trung bình tại Hoa Kỳ tăng 21,3% so với tháng 6/2021 khiến doanh thu tiêu thụ thủy sản tươi sống giảm 13,3% so với cùng kỳ năm 2021, xuống 502 triệu USD trong tháng 6/2022. Quý 2/2022, giá thủy sản tươi sống nói chung tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá cá rô phi trung bình tăng 40,2%; giá cá da trơn tăng 22,7%, giá cá ngừ tăng 22,1%, giá sò điệp tăng 18,5%, giá cá tuyết cod tăng 18,4% và giá cá hồi tăng 17,6%. Tháng 6/2022, doanh thu tiêu thụ thủy sản đông lạnh giảm 7,4% so với cùng kỳ năm 2021 xuống 520 triệu USD. Tuy nhiên, doanh thu tiêu thụ thủy sản có thời hạn bảo quản dài lại tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 209 triệu USD. Tiêu thụ thủy sản có thời hạn bảo quản dài tăng do đây là nhóm hàng có mức tăng giá thấp nhất, tăng 8,8% so với tháng 6/2021 và giá cả thấp hơn so với các loại thủy sản khác. Tính chung cả quý 2/2022, doanh thu tiêu thụ thủy sản tăng 9% so với cùng kỳ năm 2021. Theo khảo sát vào tháng 6 của IRI, 93% người Hoa Kỳ tham gia khảo sát lo ngại về lạm phát và 81% đang áp dụng các biện pháp tiết kiệm tiền.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 6/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 216,98 triệu USD, chiếm 20,4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 6 tháng đầu năm 2022 đạt 1,3 tỷ USD, tăng 48,8% so với cùng kỳ năm trước.

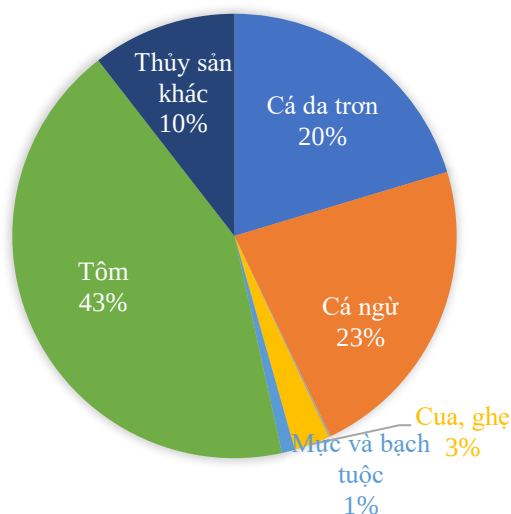
Hình 15. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2022

ĐVT: Triệu USD



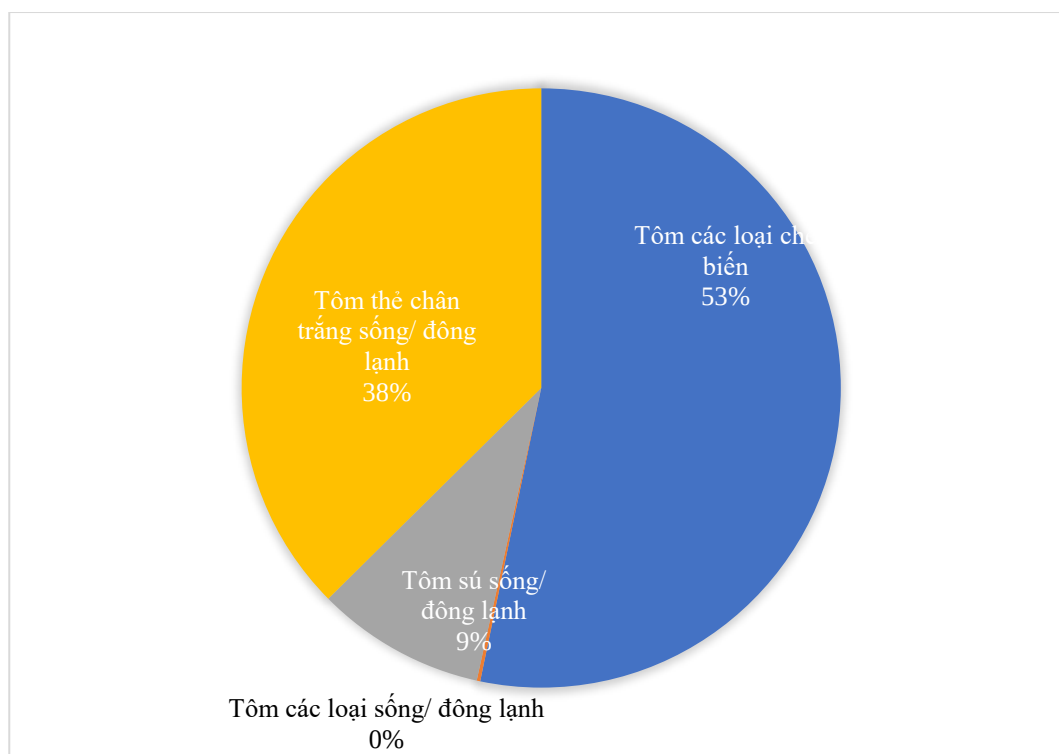
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hoa Kỳ vẫn là thị trường thủy sản lớn nhất của Việt Nam và vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng chững lại kể từ tháng 4/2022. Tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 6/2022, chiếm 42,9%, cá da trơn chiếm 20,4%.

Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2022

Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 6/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 49,5 triệu USD, chiếm 53,3% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, giảm 18,9% so với tháng 5/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 34,8 triệu USD, chiếm 37,4%, tăng 6,7%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 8,5 triệu USD, chiếm 9,1%, tăng 180,4%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,2%, giảm 64,7%.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 6/2022, cá da trơn tiếp tục là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng trong các sản phẩm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Giá trị xuất khẩu cá tra đạt 44,2 triệu USD, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước và giảm 34,3% so với tháng trước. Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là cá tra phi lê chiếm tới 98,9%, đạt 43,7 triệu USD, tăng 36,9% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 33,4% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 6/2022 như sau: Cá ngừ đạt 48,9 triệu USD, tăng 79,2% so với tháng 6/2021; cua, ghẹ đạt 5,6 triệu USD, tăng 14,2%; mực bạch tuộc đạt 2,1 triệu USD, giảm 34,2% và thủy sản khác đạt 22,8 triệu USD, tăng 197,7%.

Tháng 6/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 12,5 USD/kg, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 5,7 USD/kg, giảm 20,3%. Cụ thể

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 6/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	5,7	-20,3%	17,0%
2	Cá ngừ	13,1	32,0%	-3,9%
3	Cua, ghẹ	21,3	14,9%	-2,3%
4	Mực và bạch tuộc	9,4	-10,9%	-2,5%
5	Tôm	12,5	18,6%	4,1%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương) vừa công bố danh sách các sản phẩm gỗ của Việt Nam có nguy cơ bị Hoa Kỳ điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh hoặc biện pháp phòng vệ thương mại. Danh sách được cập nhật đến tháng 7/2022. Trong đó có 4 sản phẩm từ gỗ có nguy cơ lớn. Cụ thể, gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng (hardwood plywood) xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Các mã HS tham khảo: 4412.31, 4412.32, 4412.33, 4412.34, 4412.94, 4412.99. Sản phẩm bắt đầu được cảnh báo từ tháng 7 năm 2019.

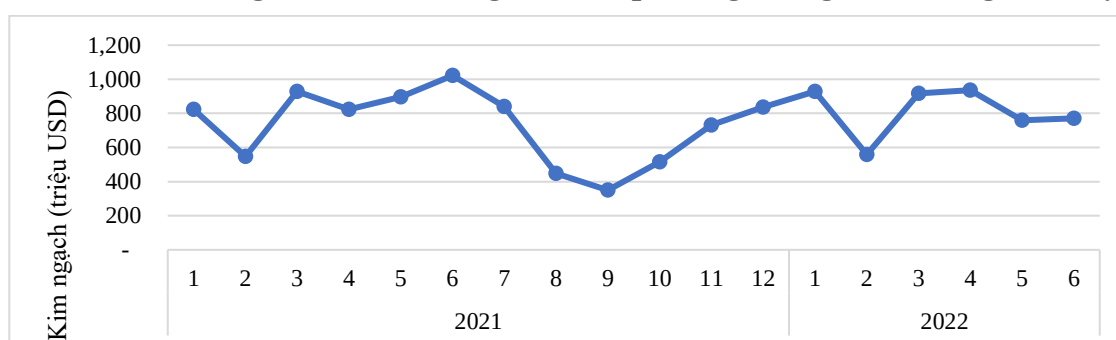
Sản phẩm thứ 2 là tủ gỗ (Wooden cabinets and vanities) xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Các mã HS tham khảo: 9403.40, 9403.60, 9403.90. Sản phẩm bắt đầu được cảnh báo từ tháng 4 năm 2020.

Thứ ba là ghế sofa có khung gỗ (Seats with wooden frames, upholstered) xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Mã HS tham khảo 9401.61. Sản phẩm bắt đầu được cảnh báo từ tháng 11 năm 2020.

Gỗ thanh và viên dài gỗ được tạo dáng liên tục, mã HS 4409.10, 4409.22, 4409.29 bắt đầu được cảnh báo từ tháng 8 năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 770,4 triệu USD, tăng 1,5% so với tháng trước và giảm 24,6% so với cùng kỳ năm 2021.

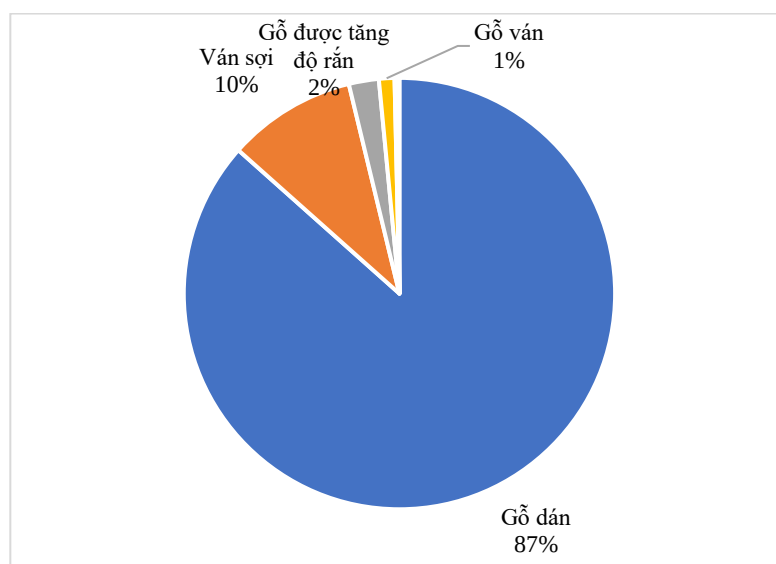
Hình 18: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 50,4 triệu USD, chiếm 86,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 5,6 triệu USD, chiếm 9,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 2,2% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 19: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 06/2022

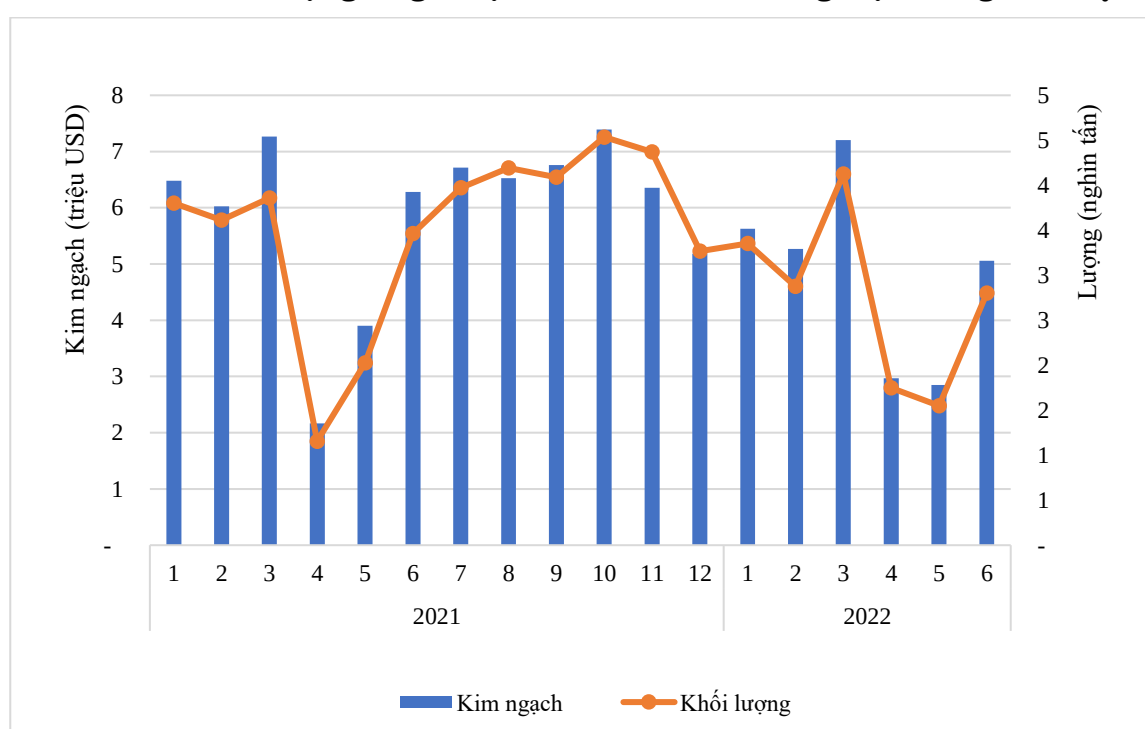


Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 06/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 2,8 nghìn tấn với trị giá hơn 5 triệu USD, tăng 80,7% về khối lượng và 77,5% về giá trị so với tháng trước, và giảm 19,1% về khối lượng và 19,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

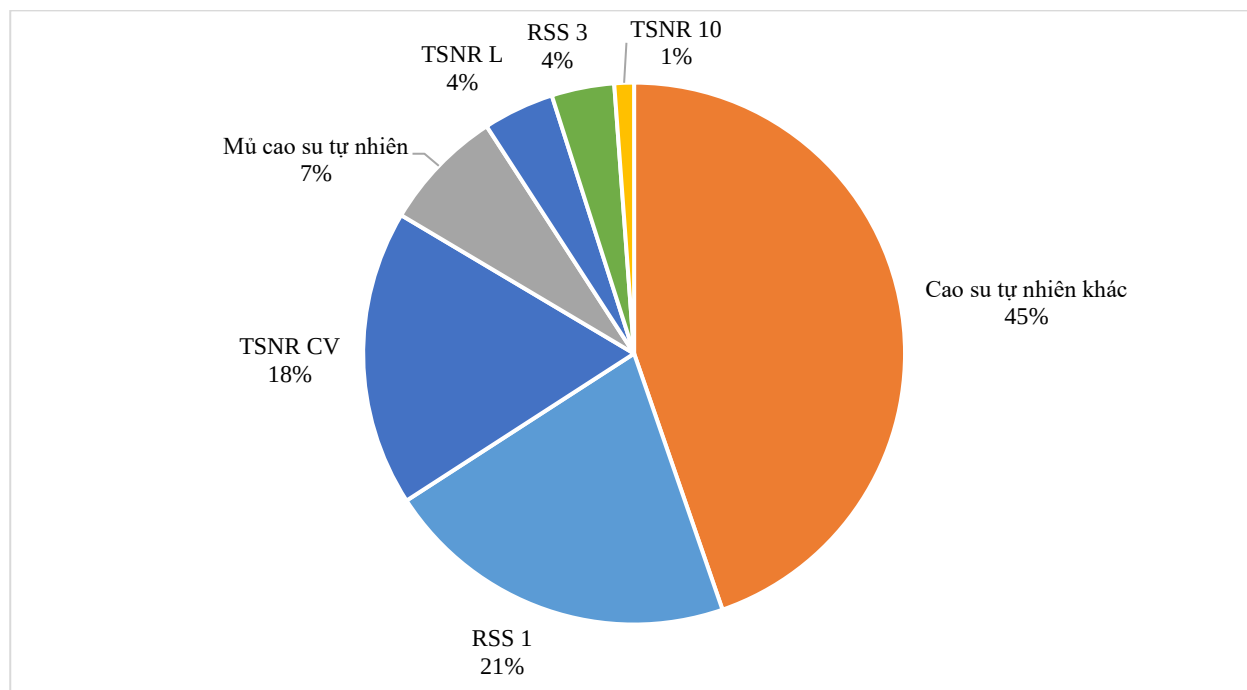
Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, RSS1 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4004) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt gần 1,1 triệu USD, chiếm 21,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đúng thứ 2 là TSNR CV với kim ngạch 892,6 nghìn USD chiếm 17,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên và TSNR L đạt giá trị lần lượt 369,4 nghìn USD và 214,6 nghìn USD chiếm 7,3% và 4,2% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là RSS 3 và TSNR 10 chiếm lần lượt 3,7% và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

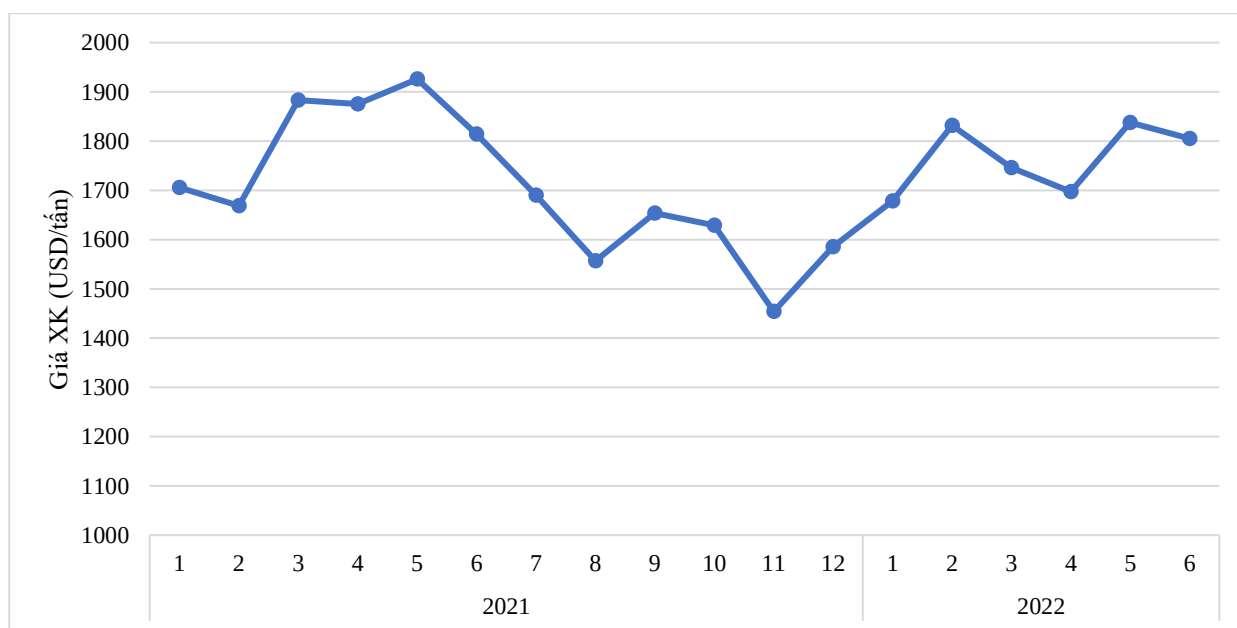
Hình 21: Chứng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 06/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 06/2022 đạt mức 1.805 USD/tấn, giảm 1,8% so với tháng trước và giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 22: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Theo USDA, tiến độ gieo trồng vụ mới của Hoa Kỳ tại bang Arkansas và Louisiana đang tiến triển tốt, tuy nhiên khu vực Texas và California đang bị ảnh hưởng bởi hạn hán, đặc biệt là California. Điều này đã khiến USDA dự báo hoạt động xuất khẩu gạo năm nay của Hoa Kỳ có thể sẽ giảm nhẹ 2%, trong khi nhập khẩu có thể tăng 4% so với năm ngoái.

2. Hồ tiêu

Theo Bộ Công Thương, xuất khẩu hồ tiêu sụt giảm trong thời gian vừa qua không chỉ do giá dầu tăng, lạm phát mà còn do rào cản kỹ thuật ngày càng cao của các thị trường đặc biệt thị trường châu Âu và Hoa Kỳ, điều kiện về dư lượng chất bảo vệ thực vật liên tục được đưa ra với mức thấp hơn gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Mặt khác, giá vật tư đầu vào tăng cao như thuốc, phân bón, nhân công, cước tàu, nhiên liệu... ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp và người nông dân. Hơn nữa sự cạnh tranh ngày càng cao giữa các nước sản xuất như Brazil, Indonesia, Cambodia do chất lượng hồ tiêu các nước này đang vươn lên mạnh mẽ, ngoài chất lượng khi xuất khẩu giá cước tàu xuất khẩu của các nước này cũng cạnh tranh hơn so với Việt Nam..

3. Hạt điều

Theo Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương, xuất khẩu điều sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn. Hiện nay, lạm phát tăng cao tại Mỹ khiến người tiêu dùng có xu hướng cắt giảm chi tiêu. Các sản phẩm có giá thành cao nhiều khả năng sẽ không phải là sự lựa chọn của nhiều người trong bối cảnh tình hình kinh tế không mấy khả quan. Bên cạnh đó, ngành điều Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng do căng thẳng địa chính trị leo thang, giá cước vận tải ở mức cao tạo thêm khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu.

4. Thủy sản

Lạm phát tăng làm doanh số bán hàng tại Hoa Kỳ giảm trong tháng 6/2022. Để đối phó với tình trạng giá cả tăng cao, 20% người tiêu dùng Hoa Kỳ đã bắt đầu tích trữ một số mặt hàng vì lo ngại giá có thể tăng lên trong thời gian tới; 16% trong số những người được khảo sát đang mua số lượng hàng lớn hơn nhu cầu hiện tại vì họ lo ngại rằng sản phẩm có thể không có sẵn trong. Dự báo, nhu cầu tiêu dùng trong nước tiếp tục có xu hướng giảm trong những tháng tới dẫn đến nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Hoa Kỳ có xu hướng giảm nhẹ.

5. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo Cục Xuất nhập khẩu, lạm phát tăng cao ở Mỹ khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, có thể ảnh hưởng tới xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường này trong những tháng cuối năm.

6. Cao su

Kinh tế thị trường Mỹ đang dần hồi phục sau Covid sẽ là tín hiệu lạc quan cho việc xuất khẩu cao su Việt Nam. Giá cao su trên thị trường thế giới nói chung, giá cao su xuất khẩu của Việt Nam nói riêng đã tăng cao so với trước đó. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo, trong ngắn hạn, giá cao su có thể sẽ tiếp tục tăng do cây cao su bước vào thời kỳ nghỉ khai thác, nguồn cung hạn chế và nhu cầu tăng trở lại sau kỳ nghỉ đông./.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 6/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 6/2022 (USD)	Tăng/giảm so T5/2022	Tăng /giảm so T6/2021	Tỷ trọng T6/2022
1	Cà phê	26,415,288	48.2%	-53.0%	2.2%
2	Cao su	5,058,363	-19.5%	-61.4%	0.4%
3	Chè	705,689	7.1%	-46.9%	0.1%
4	Gạo	903,324	19.2%	-43.9%	0.1%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	770,369,274	-24.6%	-28.8%	63.2%
6	Hàng rau quả	27,840,433	-4.5%	-18.9%	2.3%
7	Hàng thủy sản	216,977,526	-7.8%	-39.0%	17.8%
8	Hạt điều	71,406,624	-42.9%	-63.0%	5.9%
9	Hạt tiêu	24,527,509	-19.1%	-31.2%	2.0%
10	Mây tre đan	25,176,424	-36.3%	-50.5%	2.1%
11	SP từ cao su	34,062,153	-1.3%	-36.4%	2.8%
12	TĂGS &NL	15,553,832	32.3%	51.4%	1.3%
Tổng XK NLTS		1,218,996,439			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 6/2022

Loại sản phẩm	Tháng 6/2021		Tháng 6/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	865	655.230	1.016	712.504	17,5%	8,7%
Gạo trắng	82	67.219	155	103.601	88,3%	54,1%
Các loại gạo khác	82	35.148	122	87.219	49,3%	148,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 6/2022

TT	Sản phẩm	T6/2021	T6/2022	So sánh
		(USD)	(USD)	T6.2022/T6.2021
	Tổng giá trị XK	29.149.396	27.840.433	-4,5%
1	Dừa	2.688.449	8.551.065	218,1%
2	Sầu riêng	2.948.127	2.791.287	-5,3%
3	Thanh long	3.730.751	2.753.938	-26,2%
4	Dứa	850.331	1.001.657	17,8%
5	Xoài	574.690	913.671	59,0%
6	Chanh	534.235	844.178	58,0%
7	Vải	3.930.003	549.172	-86,0%
8	Chôm chôm	78.615	525.459	568,4%
9	Khác	13.814.195	9.910.005	-28,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 6/2022

Mặt hàng	T06/2021 (USD)	T06/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	12.236.825	23.044.530	88,32%
Cà phê tan	2.040.324	1.583.728	-22,38%
Khác	1.403.391	914.707	-34,82%
Chưa rang đã khử cafein	791.693	537.867	-32,06%
Đã rang chưa khử cafein	712.058	317.843	-55,36%
Đã rang đã khử cafein	671	15.043	2143,58%
Tổng	17.184.963	26.413.718	53,70%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 6/2022

Loại sản phẩm	Tháng 6/2022	Tháng 6/2021	So sánh 2022/21(%)
	(USD)	(USD)	
Cá da trơn	44.157.102,3	32.294.416,6	36,7%
Cá ngừ	48.869.734,8	27.272.873,9	79,2%
Cá rô phi	311.009,4	564.935,7	-44,9%
Cua, ghe	5.640.904,3	4.940.957,5	14,2%
Mực và bạch tuộc	2.082.157,0	1.423.869,5	46,2%
Tôm	93.119.255,7	141.421.643,5	-34,2%
Thủy sản khác	22.797.362,4	7.513.198,7	203,4%
Tổng	216.977.526,0	215.431.895,5	0,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan